

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 33/2020/TLST/ HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 giữa :

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T; Sinh năm: 1980

Nơi cư trú: Phố 4, thị trấn C, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Vũ Văn T; Sinh năm: 1979

Nơi cư trú: Phố 4, thị trấn C, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Phạm Thị T và anh Vũ Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Vũ Văn T đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Vũ Văn T tự nguyện thỏa thuận khi ly hôn chị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Vũ Linh P; Sinh ngày 29/7/2010 và cháu Vũ An N; Sinh ngày 25/5/2015 cho đến khi thành niên, anh Vũ Văn T tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Vũ Linh P; Sinh ngày 29/7/2010 mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), cháu Vũ An N; Sinh ngày 25/5/2015 mỗi tháng

1.000.000đ (Một triệu đồng) cả hai cháu là 2.000.000đ mỗi tháng kể từ tháng 06 năm 2020 cho đến khi cháu P, N đủ 18 tuổi.

Anh Vũ Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị Phạm Thị T và anh Vũ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Vũ Văn T khai không có nợ chung.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thị T và anh Vũ Văn T tự nguyện thỏa thuận: Chị Phạm Thị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp 300.000đ, hoàn trả lại cho chị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) theo biên lai thu số: AA/2018/0005237 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

Anh Vũ Văn T phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND;
- Chi cục THA;
- UBND thị trấn Cảnh Năng;
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên

